

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **1411/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/12/2019.

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
H
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ân.
2. Ông Nguyễn Thanh Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 610/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 469/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 393/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tô Văn T, sinh năm: 1986; (có mặt).

Địa chỉ: A17/520 ấp 1, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bích L, sinh năm: 1990; (vắng mặt).

Địa chỉ: B4/104 ấp 2, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 28 tháng 02 năm 2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Tô Văn T trình bày:

Ông Tô Văn T tự nguyện kết hôn với và Huỳnh Thị Bích L vào năm 2012, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 59; quyền số 1/2012 do UBND xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/6/2012. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc và có một con chung tên Tô Anh Tuấn, sinh ngày 17/11/2012. Đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà L thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn và cuối năm 2014 bà L bỏ về nhà cha mẹ để ở, cả hai đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai

còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông Tô Văn T yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích L.

Về con chung: Có một con chung tên Tô Anh Tuấn, sinh ngày 17/11/2012, hiện nay trẻ Tuấn đang sống với ông T. Ông Tô Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Tuấn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tô Văn T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2019 – Bà Huỳnh Thị Bích L trình bày:

Bà Huỳnh Thị Bích L xác nhận bà và ông Tô Văn T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2012, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 59; quyển số 1/2012 do UBND xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/6/2012.

Thời gian đầu sống chung hạnh phúc và có một con chung tên Tô Anh Tuấn, sinh ngày 17/11/2012. Sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đến năm 2014 bà L bỏ về nhà cha mẹ đẻ và cả hai đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau.

Nay ông Tô Văn T yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà, bà L không đồng ý ly hôn với ông T vì bà còn thương yêu chồng con và muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có một con chung tên Tô Anh Tuấn, sinh ngày 17/11/2012. Nếu Tòa án cho bà ly hôn với ông T thì bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Huỳnh Thị Bích L vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án không tham dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc giải quyết vụ án vẫn còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Tô Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích L. Bà Huỳnh Thị Bích L có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn bà Huỳnh Thị Bích L, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Huỳnh Thị Bích L vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị Bích L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 59; quyển số 1/2012 do UBND xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/6/2012, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Tô Văn T và bà Huỳnh Thị Bích L là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, ông Tô Văn T xác nhận là đời sống chung giữa ông và bà L có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp, cả hai đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay và không ai còn quan tâm chăm sóc nhau từ lâu.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh có nội dung “Trong quá trình sinh sống tại địa phương, ủy ban nhân dân xã không rõ mâu thuẫn hôn nhân của ông Tô Văn T và bà Huỳnh Thị Bích L”. Tuy nhiên qua sự thừa nhận của các đương sự, cũng như cả hai đã sống ly thân từ lâu, không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau thì có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa ông Tô Văn T và bà Huỳnh Thị Bích L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Bà Huỳnh Thị Bích L không đồng ý ly hôn, bà muốn đoàn tụ gia đình; Tuy nhiên kể từ khi ông T có đơn khởi kiện thì bà L không có một hành động, kế hoạch gì cụ thể để hàn gắn tình cảm gia đình, đồng thời bà L vắng mặt trong các buổi hòa giải để đoàn tụ gia đình, bà L về nhà cha mẹ ruột ở, không còn quan tâm đến chồng con; qua đó cho thấy mâu thuẫn gia đình là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài...nên yêu cầu đoàn tụ gia đình của bà L không được

Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Tô Văn T yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích L là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tô Văn T.

[2.2] Về con chung: Ông Tô Văn T và bà Huỳnh Thị Bích L xác nhận có một con chung tên Tô Anh Tuấn, sinh ngày 17/11/2012, hiện nay trẻ Tuấn đang sống với ông T. Ông Tô Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Tuấn. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tô Văn T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của ông T: Kể từ khi bà L bỏ về nhà cha mẹ ruột, thì ông T là người trực tiếp nuôi con từ năm 2014 cho đến nay, bà L không quan tâm đến con cái, không thăm con hoặc chu cấp cho con. Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ Tô Anh Tuấn ngày 14/8/2019 thì trẻ Tuấn có nguyện vọng được sống cùng với cha.

Để ổn định sự phát triển của trẻ cũng như điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của trẻ Tuấn nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao trẻ Tô Anh Tuấn, sinh ngày 17/11/2012 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà L.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tô Văn T không yêu cầu bà Huỳnh Thị Bích L cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung; Nợ chung: Ông Tô Văn T và bà L cùng xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Bà Huỳnh Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bà L vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà L đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Tô Văn T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy

Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tô Văn T đối với bà Huỳnh Thị Bích L.

Ông Tô Văn T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích L. Quan hệ hôn nhân giữa ông Tô Văn T và bà Huỳnh Thị Bích L chấm dứt cũng như Giấy chứng nhận kết hôn số 59; quyển số 1/2012 do UBND xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/6/2012 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Tô Anh Tuấn, sinh ngày 17/11/2012 cho ông Tô Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Huỳnh Thị Bích L.

Bà Huỳnh Thị Bích L có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Ông Tô Văn T và bà Huỳnh Thị Bích L xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Tô Văn T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002294 ngày 17/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Cơ quan nơi thực hiện việc
đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Chiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1.

2.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 610/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 469/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tô Văn T, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: A17/520 ấp 1, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bích L, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: B4/104 ấp 2, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Biểu quyết: /3

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tô Văn T đối với bà Huỳnh Thị Bích L.

Ông Tô Văn T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích L. Quan hệ hôn nhân giữa ông Tô Văn T và bà Huỳnh Thị Bích L chấm dứt cũng như Giấy chứng nhận kết hôn số 59; quyển số 1/2012 do UBND xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/6/2012 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Tô Anh Tuấn, sinh ngày 17/11/2012 cho ông Tô Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Huỳnh Thị Bích L.

Bà Huỳnh Thị Bích L có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Ông Tô Văn T và bà Huỳnh Thị Bích L xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Tô Văn T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002294 ngày 17/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Biểu quyết: /3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa